

Phụ lục I - Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT
UBND QUẬN HẢI CHÂU
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ LÝ THƯỜNG KIỆT

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm học: 2024 - 2025

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục:

TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ LÝ THƯỜNG KIỆT

2. Địa chỉ trụ sở chính, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục

- Địa chỉ: 409 Trưng Nữ Vương, Phường Hòa Thuận Tây, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

- Điện thoại: 0236.3618731, 0236.3613397.

- Website: <http://www.lythuongkietdn.edu.vn>

- Email: thcslythuongkiet@danang.gov.vn

3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan quản lý trực tiếp:

- Loại hình: Công lập

- Cơ quan/tổ chức quản lý trực tiếp: Ủy ban nhân dân quận Hải Châu

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục:

- Tầm nhìn:

Phấn đấu xây dựng và duy trì trường đạt chuẩn quốc gia, đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3; phát triển nhà trường theo hướng gắn *truyền thống* với *hiện đại*, có chất lượng giáo dục cao, môi trường giáo dục thân thiện, tích cực, an toàn.

- Sứ mệnh:

Giáo dục HS phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ, phát triển năng lực cá nhân, tính năng động và sáng tạo; có ý thức làm chủ và tinh thần trách nhiệm công dân; chăm ngoan, có khát vọng vươn lên trong học tập, rèn luyện, để có ích cho bản thân, gia đình và đất nước.

- Những giá trị cốt lõi mà nhà trường hướng đến:

Yêu thương - Tôn trọng - Trách nhiệm - Trung thực - Hợp tác - Cộng đồng.

- Phương châm hành động:

Xây dựng tập thể sư phạm đoàn kết - Tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy và học tập - Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và số hóa trong công tác quản lý, giáo dục - Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

- Mục tiêu chung:

+ Tiếp tục triển khai Chương trình hành động số 35/CTr-TU ngày 24/02/2014 của Thành ủy Đà Nẵng thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW; Triển khai, quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ 2020-2025 và Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII. Triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông (GDPT) ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

+ Xây dựng nhà trường gắn truyền thống với hiện đại, đạt hiệu quả giáo dục cao, phát triển tốt các nhân tố tích cực để luôn có sự đổi mới; tập trung giáo dục HS tiên bộ, có khát vọng vươn lên trong học tập, rèn luyện để có ích cho bản thân, gia đình và đất nước.

+ Đổi mới phương pháp giáo dục, phương pháp dạy học; đổi mới kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện HS theo hướng coi trọng phẩm chất, năng lực người học; bồi dưỡng đội ngũ GV, tăng cường các điều kiện về CSVC, trang thiết bị dạy học, ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện theo mục tiêu giáo dục.

+ củng cố chất lượng, bảo đảm tiến độ trong việc thực hiện mục tiêu phổ cập giáo dục bậc trung học trên địa bàn Phường. Tiếp tục củng cố và duy trì vững chắc kết quả PCGD trung học cơ sở đúng độ tuổi, phổ cập bậc trung học.

+ Tiếp tục triển khai phong trào thi đua xây dựng “*Trường học thân thiện, học sinh tích cực*”, xây dựng trường học xanh-sạch-đẹp; đảm bảo an ninh trật tự, an toàn giao thông và an toàn vệ sinh thực phẩm.

+ Hiện đại hóa CSVC, trang thiết bị dạy học đáp ứng những yêu cầu mới của ngành.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

Trường THCS Lý Thường Kiệt được thành lập vào tháng 8/1979 với tên gọi là Trường phổ thông cấp 1-2 Hoà Thuận 2 theo Quyết định số 927/QĐ-UB ngày 01/08/1979 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng (cũ) về việc tách trường phổ thông cấp 1-2 Hoà Thuận. Trường đi vào hoạt động bắt đầu từ năm học 1979 - 1980. Đến năm học 1997-1998 trường chính thức mang tên Trường THCS Lý Thường Kiệt. Diện tích đất hiện nay: 10,542,1m²; Tổng diện tích mặt bằng: 11.756 m²; Tổng diện tích sân chơi, bãi tập: 4.037 m².

Với hơn 40 năm xây dựng và phát triển, ngày nay trường đã trở thành một trong những trường phát triển lớn mạnh cả về chất lượng và số lượng của quận Hải Châu. 40 năm xây dựng và trưởng thành, từ một trường trung bình, trường từng bước vươn lên, khẳng định vị thế của mình. Liên tục trong nhiều năm, trường luôn đạt danh hiệu là trường Tiên tiến xuất sắc, tập thể lao động xuất sắc. Tháng 11 năm 2001, trường được công nhận trường chuẩn Quốc gia bậc THCS đầu tiên của Thành phố Đà Nẵng.

Trường được Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng công nhận trường trung học đạt cấp độ 3 về kiểm định chất lượng (KĐCL) cơ sở giáo dục năm 2012. Tháng 5/2017, nhà trường được Ủy ban nhân dân Thành phố Đà Nẵng công nhận Trường chuẩn quốc gia giai đoạn 2017-2022. Tháng 01/2019 Trường được Giám đốc Sở giáo dục đào tạo Thành phố Đà Nẵng công nhận trường trung học đạt tiêu chuẩn CLGD về kiểm định chất lượng (KĐCL). Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2022-2023, nhà trường được UBND quận Hải Châu công nhận Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Đặc biệt năm học 2022-2023, trường được Thủ tướng chính phủ tặng Bằng khen, ghi nhận thành tích và những nỗ lực của tập thể CBGVNV nhà trường trong nhiều năm học qua.

6. Thông tin người đại diện pháp luật:

- Họ và tên: Nguyễn Thị Minh

- Chức vụ: Hiệu trưởng
 - Địa chỉ làm việc: 409 Trưng Nữ Vương, Phường Hòa Thuận Tây, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

- Điện thoại: 0236.3618731
 - Email: minhnt7@danang.gov.vn

7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có)

Trường THCS Lý Thường Kiệt được thành lập vào tháng 8/1979 với tên gọi là Trường phổ thông cấp 1-2 Hoà Thuận 2 theo Quyết định số 927/QĐ-UB ngày 01/08/1979 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng (cũ) về việc tách trường phổ thông cấp 1-2 Hoà Thuận. Năm 1997 trường đổi tên thành trường THCS Lý Thường Kiệt theo Quyết định số 10/TCCB ngày 20/01/1997 của Sở GDĐT thành phố Đà Nẵng “về việc Thành lập các đơn vị sự nghiệp thuộc ngành” và đến năm 2015 trường được tổ chức lại theo Quyết định số 6710/QĐ-UBND ngày 16/11/2015 của Ủy ban nhân dân quận Hải Châu “về việc tổ chức lại trường THCS Lý Thường Kiệt thuộc UBND quận Hải Châu”.

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường:

- Hội đồng trường được thành lập theo nhiệm kỳ 2022-2026 và thay đổi thành viên của Hội đồng trường theo năm học 2024-2025 như sau:

Ông Nguyễn Văn Toàn TPT Đội thay cho Bà Lê Nhật Phương

+ Chủ tịch Hội đồng: Nguyễn Thị Minh - Hiệu trưởng

+ Các thành viên:

2. Bà Trần Thị Sáng	Thư ký HĐSP	Thư ký
3. Ông Lê Duy Hoà	Phó bí thư Chi bộ	Thành viên
4. Bà Nguyễn Thị Cảnh	Phó hiệu trưởng	Thành viên
5. Ông Phạm Văn Thắng	Phó hiệu trưởng	Thành viên
6. Ông Trịnh Công Thủy	Chủ tịch Công Đoàn	Thành viên
7. Bà Nguyễn Thị Cúc Kim	Bí Thư đoàn	Thành viên
8. Bà Lê Nhật Phương	Tổng phụ trách Đội	Thành viên
9. Ông Phạm Minh Hoàng	Tổ trưởng Nghệ Thuật- GDTC	Thành viên
10. Bà Hoàng Thị Phương	Tổ trưởng Văn Phòng	Thành viên
11. Ông Trương Thanh Dũng	Phó Chủ tịch UBND quận	Thành viên
12. Bà Đồng Thị Kiều Linh	Hội trưởng hội CMHS trường	Thành viên

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục;

- Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng: Quyết định số 4606/QĐ-UBND ngày 31/08/2022 về việc bổ nhiệm lại viên chức quản lý

- Quyết định bổ nhiệm Phó hiệu trưởng: Quyết định số 763/QĐ-UBND ngày 11/3/2023 về việc điều động và bổ nhiệm viên chức quản lý

- Quyết định bổ nhiệm Phó hiệu trưởng: Quyết định số 1892/QĐ-UBND ngày

29/5/2021 về việc điều động và bổ nhiệm viên chức quản lý

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục; sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục:

- Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục:

Được thực hiện theo Điều 35, Luật Giáo dục 2019

- Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của nhà trường:

Trường THCS Lý Thường Kiệt là cơ quan chuyên môn, giúp UBND quận Hải Châu thực hiện quản lý nhà nước về giáo dục ở địa phương theo quy định của chính phủ. Đồng thời trường THCS Lý Thường Kiệt chịu sự quản lý của phòng Giáo dục và Đào tạo quận Hải Châu về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định của luật giáo dục và điều lệ trường phổ thông của Bộ giáo dục và đào tạo. Căn cứ vào Điều 3 Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT quy định như sau:

+ Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

+ Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường theo chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong tổ chức các hoạt động giáo dục.

+ Tuyển sinh và tiếp nhận học sinh, quản lý học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công.

+ Tổ chức cho giáo viên, nhân viên, học sinh tham gia các hoạt động xã hội.

+ Quản lý giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật.

+ Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

+ Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

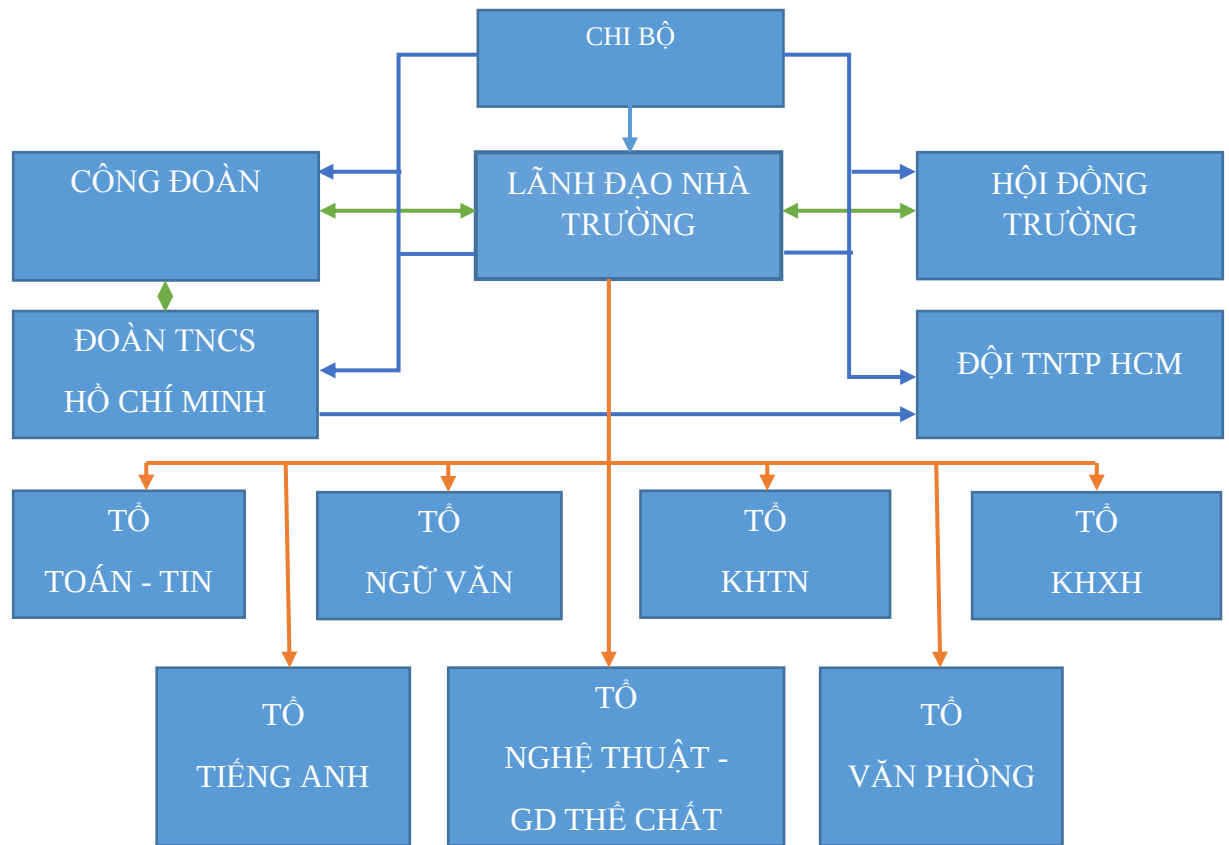
+ Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

+ Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các hoạt động giáo dục; bảo đảm việc tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

+ Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

- Sơ đồ tổ chức bộ máy của trường:



đ) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có): không có.

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên của cơ sở giáo dục (nếu có):

- Hiệu trưởng:

+ Họ và tên: Nguyễn Thị Minh

+ Địa chỉ làm việc: 409 Trưng Nữ Vương, Phường Hòa Thuận Tây, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

+ Điện thoại: 0935.360.825

+ Email: nguyenminhkd78@gmail.com

- Phó Hiệu trưởng

+ Họ và tên: Phạm Văn Thắng

+ Địa chỉ làm việc: Trường THCS Lý Thường Kiệt, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

+ Điện thoại: 0914 219 695

+ Email: phamthangdn75@gmail.com

- Phó hiệu trưởng: Nguyễn Thị Cảnh

+ Địa chỉ làm việc: Trường THCS Lý Thường Kiệt, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

+ Điện thoại: 0905 884 881

+ Email: canh881@gmail.com

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có)

- Kế hoạch Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục (số kế hoạch): 133/CL – THCSLTK ngày 07 tháng 09 năm 2022 của trường THCS Lý Thường Kiệt.

- Quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục : Số 165/QC-THCSLTK ngày 11 tháng 9 năm 2024 của trường THCS Lý Thường Kiệt.

- Quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính: Số 150/QĐ-THCS LTK ngày 06 tháng 9 năm 2024 của trường THCS Lý Thường Kiệt.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo: 90 người, trong đó:

+ Cán bộ quản lý: 03

- Hiệu trưởng: Nguyễn Thị Minh.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân QLGD Điện thoại: 0935.360.825

- Phó Hiệu trưởng: Nguyễn Thị Cảnh.

Trình độ chuyên môn: Th.S Ngữ văn Điện thoại: 0905.884.881

- Phó Hiệu trưởng: Phạm Văn Thắng.

Trình độ chuyên môn: ĐHSP Âm nhạc Điện thoại: 0914.219.695

+ Giáo viên: 83

- Môn Toán: 12 giáo viên

(Th.S: 04; ĐHSP: 04; Cử nhân: 04)

- Môn Ngữ văn: 14 giáo viên

(Th.S: 06; ĐHSP: 06; Cử nhân: 01; CĐSP: 01)

- Môn Khoa học tự nhiên: 20 giáo viên

(Th.S: 04; ĐHSP: 10; Cử nhân: 04; CĐSP: 02)

- Môn Tiếng Anh: 09 giáo viên

(Th.S: 01; ĐHSP: 02; Cử nhân: 06)

- Môn Lịch sử và Địa lí: 10 giáo viên

(Th.S: 02; ĐHSP : 04; Cử nhân: 02, CĐSP: 02)

- Môn Nghệ thuật: 05 giáo viên

(DHSP: 05)

- Môn Giáo dục công dân: 04 giáo viên

(DHSP: 07, CÐSP: 01)

- Môn Giáo dục thể chất: 06 giáo viên

(Th.S: 02; ĐHSP: 03, CĐSP: 01)

- Môn Tin học: 03 giáo viên
(ĐHSP: 02, Cử nhân: 01)

+ Nhân viên: 04
(CĐ: 02; TC: 02)

2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định là: 79/86 chiếm tỉ lệ 91,9%.

3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định: 90 người (100%).

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định:

Diện tích trường hiện nay là 10,542,1m²; Diện tích xây dựng: 3.190.091 m²; Diện tích sử dụng: 5.239.132 m², trung bình khoảng 5,7m²/01 học sinh, chưa đủ so với yêu cầu tối thiểu theo quy định (6m²/01 học sinh).

2. Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định

- Khối phòng hành chính quản trị: 08 phòng
- Khối phòng học tập: 24 phòng học
- Khối phòng hỗ trợ học tập: 01 phòng thư viện, 08 phòng bộ môn
- Khối phụ trợ: 01 phòng y tế
- Khu sân chơi, thể dục thể thao: 7.352.009 m²
- Khối phục vụ sinh hoạt: 01 hội trường
- Hạ tầng kỹ thuật: Đủ so với yêu cầu tối thiểu theo quy định

3. Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định:

Nhà trường có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường. Hiện tại, trường có 10 máy tính cho bộ phận hành chính, 90 máy tính học sinh. Tất cả máy tính được kết nối Internet đảm bảo nhu cầu phục vụ công tác quản lý và phục vụ hoạt động giảng dạy, học tập. Nhà trường có các loại thiết bị giáo dục theo danh mục tối thiểu do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định. Mỗi giáo viên có một bộ thiết bị cần thiết trong quá trình giảng dạy, một bộ sách giáo khoa, tài liệu hướng dẫn giảng dạy và các tài liệu cần thiết khác. Mỗi học sinh có ít nhất một bộ sách giáo khoa, các đồ dùng học tập.

4. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Danh mục sách giáo khoa thực hiện theo danh mục đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.

+ Lớp 6: Quyết định số 1445/QĐ-UBND ngày 29/4/2021 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt Danh mục sách giáo khoa lớp 6 sử dụng trong cơ sở giáo dục trung học trên địa bàn thành phố Đà Nẵng từ năm học 2021-2022

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
----	----------	-------------	--------------	---------------

1	Toán 6 Tập một	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Nguyễn Huy Đoan (Chủ biên), Nguyễn Cao Cường, Trần Mạnh Cường, Doãn Minh Cường, Sĩ Đức Quang, Lưu Bá Thắng.	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
	Toán 6 Tập hai	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Nguyễn Huy Đoan (Chủ biên), Nguyễn Cao Cường, Trần Mạnh Cường, Doãn Minh Cường, Sĩ Đức Quang, Lưu Bá Thắng.	Giáo dục Việt Nam	
2	Ngữ văn 6 Tập một	Nguyễn Thị Hồng Nam (Chủ biên), Trần Lê Duy, Nguyễn Thị Ngọc Diệp, Nguyễn Thị Minh Ngọc, Nguyễn Thành Thi, Nguyễn Thị Ngọc Thúy.	Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo
	Ngữ văn 6 Tập hai	Nguyễn Thị Hồng Nam (Chủ biên), Trần Lê Duy, Dương Thị Hồng Hiếu, Phan Mạnh Hùng, Nguyễn Thị Minh Ngọc, Trần Tiến Thành, Nguyễn Thành Thi, Nguyễn Thị Ngọc Thúy, Lê Quang Trường.	Giáo dục Việt Nam	
3	Tiếng Anh 6 I – Learn Smart World	Võ Đại Phúc (Tổng chủ biên kiêm chủ biên), Nguyễn Thị Ngọc Quyên, Đặng Đỗ Thiên Thanh, Lê Thị Tuyết Minh, Huỳnh Tuyết Mai, Nguyễn Dương Hoài Thương	Đại học sư phạm TP Hồ Chí Minh	
4	Giáo dục công dân 6	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thị Mai Phương (Chủ biên), Nguyễn Hà An, Nguyễn Thị Hoàng Anh, Phạm Thị Kim Dung, Nguyễn Thị Thọ.	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
5	Khoa học tự nhiên 6	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Đinh Đoàn Long, Lê Kim Long, Bùi Gia Thịnh (đồng Chủ biên), Nguyễn Hữu Chung, Nguyễn Thu Hà, Bùi Thị Việt Hà, Nguyễn Đức Hiệp, Trần Thị Thanh Huyền, Lê Trọng Huyền, Vũ Trọng Rỹ, Nguyễn Văn Vịnh.	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
6	Lịch sử và Địa lí 6	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên), Nghiêm Đình Vỳ, Đào Ngọc Hùng (đồng Tổng Chủ biên), Đinh Ngọc Bảo, Đào Ngọc Hùng (đồng Chủ biên), Vũ Thị Hằng, Phan Ngọc Huyền, Phạm Thị Thanh Hiền, Lê Huỳnh, Trần Thị Hồng	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống

		Mai, Hoàng Anh Tuấn, Phí Công Việt.		
7	Tin học 6	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hà Đăng Cao Tùng (Chủ biên), Đinh Thị Hạnh Mai, Hoàng Thị Mai.	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
8	Công nghệ 6	Bùi Văn Hồng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Cẩm Vân (Chủ biên), Trần Văn Sỹ.	Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo
9	Âm nhạc 6	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng Chủ biên), Vũ Mai Lan (Chủ biên), Bùi Minh Hoa, Trần Bảo Lân, Trịnh Thị Oanh, Cao Sỹ Anh Tùng, Nguyễn Thị Thanh Vân.	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
10	Mĩ thuật 6	Nguyễn Thị Nhung, Nguyễn Xuân Tiên (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường, Nguyễn Hồng Ngọc (đồng Chủ biên), Quách Thị Ngọc An, Nguyễn Dương Hải Đăng, Nguyễn Đức Giang, Phạm Ngọc Mai, Trần Đoàn Thanh Ngọc, Đàm Thị Hải Uyên, Trần Thị Vân.	Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo
11	Giáo dục thể chất 6	Lưu Quang Hiệp (Tổng Chủ biên), Đinh Quang Ngọc (Chủ biên), Đinh Khánh Thu, Mai Thị Bích Ngọc, Nguyễn Văn Thành.	Đại học Sư phạm	Cánh diều
12	Hoạt động trải nghiệm, Hướng nghiệp 6	Đinh Thị Kim Thoa, Vũ Quang Tuyên (đồng Tổng Chủ biên), Vũ Đình Bảy, Trần Thị Quỳnh Trang (đồng Chủ biên), Trần Minh Hường, Nguyễn Thị Bích Liên, Vũ Phương Liên, Trần Bảo Ngọc, Lại Thị Yến Ngọc, Vũ Thanh Thủy, Phạm Đình Văn.	Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo

+ Lớp 7: Quyết định số 1586/QĐ-UBND ngày 13/6/2022 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt Danh mục sách giáo khoa lớp 7 sử dụng trong cơ sở giáo dục trung học trên địa bàn thành phố Đà Nẵng từ năm học 2022-2023.

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
1	Toán 7, Tập một	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Nguyễn Huy Đoan (Chủ biên), Cung Thế Anh, Nguyễn Cao Cường, Trần Mạnh Cường, Doãn	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
		Minh Cường, Trần Phương Dung, Sĩ Đức Quang, Lưu Bá Thắng, Đặng Hùng Thắng.		
	Toán 7, Tập hai	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Nguyễn Huy Đoan (Chủ biên), Cung Thế Anh, Nguyễn Cao Cường, Trần Mạnh Cường, Doãn Minh Cường, Trần Phương Dung, Sĩ Đức Quang, Lưu Bá Thắng, Đặng Hùng Thắng.	Giáo dục Việt Nam	
2	Ngữ văn 7, Tập một	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Phan Huy Dũng, Nguyễn Thị Ngân Hoa (đồng Chủ biên), Nguyễn Thị Mai Liên, Lê Trà My, Lê Thị Minh Nguyệt, Nguyễn Thị Nương, Nguyễn Thị Hải Phương.	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
	Ngữ văn 7, Tập hai	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Phan Huy Dũng, Nguyễn Thị Ngân Hoa (đồng chủ biên), Dương Tuấn Anh, Nguyễn Linh Chi, Đặng Lưu.	Giáo dục Việt Nam	
3	Tiếng Anh 7 i – Learn Smart World	Võ Đại Phúc (Tổng chủ biên kiêm chủ biên), Nguyễn Thị Ngọc Quyên, Đặng Đỗ Thiên Thanh, Lê Thị Tuyết Minh, Huỳnh Tuyết Mai, Nguyễn Thụy Uyên Sa	Đại học sư phạm TP Hồ Chí Minh	
4	Khoa học tự nhiên 7	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Mai Văn Hưng, Lê Kim Long, Bùi Gia Thịnh (đồng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Chi, Ngô Tuấn Cường, Trần Thị Thanh Huyền, Nguyễn Thị Bích Ngọc, Phạm Thị Phú, Vũ Trọng Rỹ, Mai Thị Tình, Vũ Thị Minh Tuyền.	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
5	Lịch sử và Địa lí 7	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỳ (Tổng Chủ biên cấp THCS phần Lịch sử), Nguyễn Thị Côi, Vũ Văn Quân (đồng Chủ biên phần Lịch sử), Phạm Đức Anh,	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
		Phạm Thị Thanh Huyền, Đặng Hồng Sơn, Đào Ngọc Hùng (Tổng chủ biên phần Địa lí), Nguyễn Đình Giang, Phạm Thị Thu Phương (đồng chủ biên phần Địa lí), Nguyễn Thị Thu Hiền, Đặng Thị Huệ, Phí Công Việt.		
6	Giáo dục công dân 7	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thị Mai Phương (Chủ biên), Nguyễn Hà An, Nguyễn Thị Hoàng Anh, Phạm Thị Kim Dung, Nguyễn Thị Thọ.	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
7	Âm nhạc 7	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng Chủ biên), Vũ Mai Lan (Chủ biên), Bùi Minh Hoa, Lê Thị Tuyết, Nguyễn Thị Thanh Vân.	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
8	Mĩ thuật 7	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường, Nguyễn Hồng Ngọc (đồng Chủ biên), Nguyễn Đức Giang, Võ Thị Nguyên, Đàm Thị Hải Uyên, Trần Thị Vân.	Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo 1
9	Tin học 7	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hà Đặng Cao Tùng (Chủ biên), Phan Anh, Bùi Việt Hà, Đinh Thị Hạnh Mai, Hoàng Thị Mai.	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
10	Công nghệ 7	Bùi Thị Hồng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Cẩm Vân (Chủ biên), Nguyễn Thị Hồng Chiêm, Nguyễn Tiến Lực, Quách Văn Thiêm, Nguyễn Thị Thúy.	Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo
11	Giáo dục thể chất 7	Lưu Quang Hiệp (Tổng Chủ biên), Bùi Ngọc (Chủ biên), Nguyễn Ngọc Tuấn, Nguyễn Xuân Trãi, Đặng Thị Thu Thủy.	Đại học Sư phạm	Cánh diều
12	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 7	Đinh Thị Kim Thoa, Vũ Quang Tuyên (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Bích Liên (Chủ biên), Nguyễn Hồng Kiên, Trần Bảo	Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo 1

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
		Ngọc, Trần Thị Quỳnh Trang, Phạm Đình Văn.		

+ Lớp 8: Quyết định số 1060/QĐ-UBND ngày 23/5/2023 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt Danh mục sách giáo khoa lớp 8 sử dụng trong cơ sở giáo dục trung học trên địa bàn thành phố Đà Nẵng từ năm học 2023-2024.

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
1	Ngữ văn 8, tập một	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa, Đặng Lưu (đồng Chủ biên), Dương Tuấn Anh, Lê Trà My, Nguyễn Thị Nương, Nguyễn Thị Hải Phương.	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
	Ngữ văn 8, tập hai	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa, Đặng Lưu (đồng Chủ biên), Phan Huy Dũng, Nguyễn Thị Mai Liên, Lê Thị Minh Nguyệt, Nguyễn Thị Minh Thương.	Giáo dục Việt Nam	
2	Toán 8, Tập một	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Cung Thế Anh, Nguyễn Huy Đoan (đồng Chủ biên), Nguyễn Cao Cường, Trần Mạnh Cường, Đoàn Minh Cường, Trần Phương Dung, Sĩ Đức Quang, Lưu Bá Thắng, Đặng Hùng Thắng.	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
	Toán 8, Tập hai	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Cung Thế Anh, Nguyễn Huy Đoan (đồng Chủ biên), Nguyễn Cao Cường, Trần Mạnh Cường, Đoàn Minh Cường, Trần Phương Dung, Sĩ Đức Quang, Lưu Bá Thắng, Đặng Hùng Thắng.	Giáo dục Việt Nam	
3	Tiếng Anh 8 i-Learn Smart World	Võ Đại Phúc (Tổng Chủ biên), Huỳnh Tuyết Mai (Chủ biên), Nguyễn Thị Ngọc Quyên, Đặng Đỗ Thiên Thanh, Lê Thị Tuyết Minh, Nguyễn Dương Hoài Thương.	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh	
4	Khoa học tự nhiên 8	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Mai Văn Hưng, Lê Kim Long, Vũ Trọng Rỹ (đồng Chủ biên),	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống

		Nguyễn Văn Biên, Nguyễn Hữu Chung, Nguyễn Thu Hà, Lê Trọng Huyền, Nguyễn Thế Hưng, Nguyễn Xuân Thành, Bùi Gia Thịnh, Nguyễn Thị Thuần, Mai Thị Tình, Vũ Thị Minh Tuyền, Nguyễn Văn Vịnh.		
5	Lịch sử và Địa lí 8	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỹ (Tổng Chủ biên cấp THCS phần Lịch sử), Trịnh Đình Tùng (Chủ biên phần Lịch sử), Nguyễn Ngọc Cơ, Đào Tuấn Thành, Hoàng Thanh Tú; Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên phần Địa lí), Bùi Thị Thanh Dung, Phạm Thị Thu Phương, Phí Công Việt.	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
6	Giáo dục công dân 8	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thị Mai Phương (Chủ biên), Nguyễn Hà An, Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Thị Thọ.	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
7	Âm nhạc 8	Hoàng Long (Tổng Chủ biên), Vũ Mai Lan (Chủ biên), Bùi Minh Hoa, Trần Bảo Lân, Đặng Khánh Nhật, Nguyễn Thị Thanh Vân.	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
8	Mĩ thuật 8	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường (Chủ biên), Nguyễn Dương Hải Đăng, Đỗ Thị Kiều Hạnh, Nguyễn Đức Sơn, Đàm Thị Hải Uyên, Trần Thị Vân.	Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo bản 1
9	Tin học 8	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hà Đặng Cao Tùng (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Hải Châu, Hoàng Thị Mai, Nguyễn Thị Hoài Nam.	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
10	Công nghệ 8	Bùi Văn Hồng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Cẩm Vân (Chủ biên), Nguyễn Thị Lưỡng, Nguyễn Thị Thúy, Trương Minh Trí, Phạm Huy Tuân.	Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo

11	Giáo dục thể chất 8	Đinh Quang Ngọc (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Đặng Hoài An, Đinh Thị Mai Anh, Mai Thị Bích Ngọc, Nguyễn Văn Thành, Đinh Khánh Thu.	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC) (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm)	Cánh điều
12	Hoạt động Trải nghiệm, hướng nghiệp 8	Đinh Thị Kim Thoa (Tổng Chủ biên), Lại Thị Yến Ngọc (Chủ biên), Nguyễn Hồng Kiên, Nguyễn Thị Bích Liên, Trần Thị Quỳnh Trang, Phạm Đình Văn.	Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo 1

+ Lớp 9: Quyết định số 1054/QĐ-UBND ngày 23/5/2024 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt Danh mục sách giáo khoa lớp 9 sử dụng trong các cơ sở giáo dục có cấp trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Đà Nẵng từ năm học 2024-2025

TT	Tên sách	Tên tác giả	Tổ chức	Thuộc bộ sách
1	Toán 9, Tập 1	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Cung Thế Anh, Nguyễn Huy Đoan (đồng Chủ biên), Nguyễn Cao Cường, Trần Mạnh Cường, Doãn Minh Cường, Trần Phương Dung, Sĩ Đức Quang, Lưu Bá Thắng, Đặng Hùng Thắng.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
	Toán 9, Tập 2	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Cung Thế Anh, Nguyễn Huy Đoan (đồng Chủ biên), Nguyễn Cao Cường, Trần Mạnh Cường, Doãn Minh Cường, Trần Phương Dung, Sĩ Đức Quang, Lưu Bá Thắng, Đặng Hùng Thắng.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
2	Ngữ văn 9, Tập 1	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa, Đặng Lưu (đồng Chủ biên), Dương Tuấn Anh, Lê Trà My, Nguyễn Thị Nương, Nguyễn Thị Hải Phương, Nguyễn Thị Minh Thương.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống

TT	Tên sách	Tên tác giả	Tổ chức	Thuộc bộ sách
	Ngữ văn 9, Tập 2	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa, Đặng Lưu (đồng Chủ biên), Phan Huy Dũng, Nguyễn Thị Mai Liên, Lê Thị Minh Nguyệt.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
3	Tiếng Anh 9 Global Success	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Lương Quỳnh Trang (Chủ biên), Nguyễn Thị Chi, Lê Kim Dung, Nguyễn Thụy Phương Lan, Phan Chí Nghĩa, Trần Thị Hiếu Thủy	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
4	Khoa học tự nhiên 9	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Biên, Lê Trọng Huyền, Đinh Đoàn Long (đồng Chủ biên), Nguyễn Thu Hà, Tưởng Duy Hải, Nguyễn Thanh Hưng, Trần Văn Kiên, Đường Khánh Linh, Nguyễn Thị Hằng Nga, Vũ Công Nghĩa, Vũ Trọng Rỹ, Nguyễn Thị Thuần.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
5	Lịch sử và Địa lí 9	Đỗ Thanh Bình (Tổng Chủ biên phần Lịch sử), Nguyễn Thị Thế Bình (Chủ biên phần Lịch sử), Nguyễn Văn Ninh, Nguyễn Mạnh Hưởng, Ninh Xuân Thao, Trần Xuân Trí; Lê Thông (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Nguyễn Thị Trang Thanh (Chủ biên phần Địa lí), Vũ Thị Mai Hương, Nguyễn Thị Hoài, Dương Quỳnh Phương, Trần Thị Thanh Thủy.	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC) (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm)	Cánh Diều
6	Công nghệ 9 - Định hướng nghề nghiệp	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Phạm Mạnh Hà (Chủ biên), Nguyễn Xuân An, Nguyễn Thị Bích Thủy, Vũ Cẩm Tú.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
	Công nghệ 9 - Mô đun Lắp đặt mạng điện trong nhà	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Trinh, Phạm Khánh Tùng.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống

TT	Tên sách	Tên tác giả	Tổ chức	Thuộc bộ sách
	Công nghệ 9 - Mô đun Trồng cây ăn quả	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đồng Huy Giới (Chủ biên), Bùi Thị Thu Hương, Đào Quang Nghị.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
	Công nghệ 9 - Mô đun Chế biến thực phẩm	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Xuân Thành (Chủ biên), Đặng Bảo Ngọc, Nguyễn Thị Hồng Tiến.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
7	Tin học 9	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hà Đặng Cao Tùng (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Hải Châu, Hoàng Thị Mai.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
8	Giáo dục thể chất 9	Đinh Quang Ngọc (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Đặng Hoài An, Đinh Thị Mai Anh, Mai Thị Bích Ngọc, Nguyễn Văn Thành, Đinh Khánh Thu.	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC) (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm)	Cánh Diều
9	Giáo dục công dân 9	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thị Mai Phương (Chủ biên), Nguyễn Hà An, Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Thị Thọ.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
10	Âm nhạc 9	Hoàng Long (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Bùi Minh Hoa, Vũ Mai Lan, Trần Bảo Lân, Đặng Khánh Nhật, Nguyễn Thị Thanh Vân.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
11	Mỹ thuật 9	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường (Chủ biên), Nguyễn Dương Hải Đăng, Đỗ Thị Kiều Hạnh, Nguyễn Đức Sơn, Đàm Thị Hải Uyên, Trần Thị Vân.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo bản 1
12	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 9	Đinh Thị Kim Thoa (Tổng chủ biên), Nguyễn Hồng Kiên (Chủ biên), Nguyễn Thị Bích Liên, Lại Thị Yến Ngọc, Trần Thị Quỳnh Trang, Phạm Đình Văn.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo bản 1

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm: nhà trường được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 1 kể từ ngày 08/2/2019. Thời hạn công nhận là 05 năm. Đến nay đã hết thời gian kiểm định CLGD

2. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá: Hằng năm nhà trường vẫn xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng. Riêng năm học 2024- 2025, nhà trường xây dựng kế hoạch tự đánh giá để thực hiện đánh giá CLGD theo Thông tư 18/2018/TT-BGDĐT.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước (2023-2024):

a) Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 01 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường:

Khối	Tổng số lớp	Tổng số học sinh	Tỉ lệ HS/ lớp	Nữ	Dân tộc		HS học 1 buổi/ ngày	HS KT hòa nhập	HS chuyển đi	HS chuyển đến
					Kinh	Hán				
Sáu	12	528	44	240	527	1	528	8	1	2
Bảy	12	502	41,8	229	497	5	502	8	2	3
Tám	8	315	39,4	149	313	2	315	4	2	0
Chín	12	507	42,3	222	503	4	507	14	4	2
Tổng	44	1852	42,1	840	1840	12	1852	34	9	7

b) Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp;

- Thống kê kết quả đánh giá học sinh

TT	Khối	Sĩ số	Đánh giá giáo dục			
			Giỏi/Tốt	Khá	Trung bình/ Đạt	Yếu/Chưa đạt
1	Sáu	528	47,54%	33,90%	16,86%	1,70%
2	Bảy	502	36,45%	39,24%	20,72%	3,59%
3	Tám	315	50,48%	32,06%	15,56%	1,90%
4	Chín	507	38,46%	37,08%	23,67%	0,59%

- Thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp

TT	Khối	Tổng số học sinh	Lên lớp		Lưu ban	
			Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ
1	Sáu	528	519	98,30%	2	0,38%
2	Bảy	502	484	96,41%	0	0,00%
3	Tám	315	309	98,10%	3	0,95%
4	Chín	507	503	99,21%	4	0,79%
Tổng số		1852	1815	98,00%	7	0,38%

c) Số lượng học sinh được cấp bằng tốt nghiệp; số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với cấp trung học cơ sở:

- Số lượng học sinh được cấp bằng tốt nghiệp: 503
- Số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục: 401

2. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm nội dung: số lượng học sinh đang học (chia theo số lượng học sinh là người Việt Nam, số lượng học sinh là người nước ngoài): Không có

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

a) Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước, hỗ trợ của nhà đầu tư; học phí, lệ phí và các khoản thu khác từ người học; kinh phí tài trợ và hợp đồng với bên ngoài; nguồn thu khác) và loại hoạt động (giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; hoạt động khác)

- Ngân sách nhà nước năm 2023: 16.634.501.707 đồng

b) Các khoản chi phân theo: Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...); chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mướn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...); chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...); chi khác.

- Ngân sách nhà nước năm 2023: 16.634.501.707 đồng
- + Chi lương, phụ cấp và thu nhập: 14.846.033.422 đồng
- + Chi cơ sở vật chất và dịch vụ: 1.788.468.285 đồng

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học.

- Trợ cấp học sinh có sổ hộ nghèo, con mồ côi, chi phí hỗ trợ học sinh: 51.000.000 đồng

4. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù tính đến thời điểm 31/12/2023

- Ngân sách nhà nước : 684.550.000 đồng
- Tiền gửi vãng lai tại kho bạc : 347.302.779 đồng
- Tiền gửi học phí : 11.397.192 đồng

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Công tác chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp trung học cơ sở

Năm học 2023-2024, Trường Trung học cơ sở Lý Thường Kiệt thực hiện Kế hoạch số 529/PGDDT-THCS ngày 28/8/2023 của Phòng GDĐT quận Hải Châu về việc

hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2023-2024 và Kế hoạch số 125/KH-THCSLTk ngày 12/9/2023 của Trường THCS Lý Thường Kiệt về việc thực hiện nhiệm vụ năm học 2023 - 2024, phù hợp với điều kiện thực tế tại nhà trường; Thực hiện hiệu quả công tác đảm bảo an toàn trường học, phòng chống dịch bệnh.

2. Việc thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục

2.1. Đảm bảo việc triển khai thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục

- Triển khai việc thực hiện kế hoạch giáo dục, kế hoạch dạy học môn học, kế hoạch bồi dưỡng đến toàn thể giáo viên trường; chỉ đạo tổ chuyên môn thực hiện Kế hoạch dạy học các môn học và hoạt động giáo dục.

- 100% tổ chuyên môn xây dựng, triển khai kế hoạch giáo dục, kế hoạch dạy học môn học.

- 100% giáo viên xây dựng kế hoạch dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

*** Đối với lớp 6, lớp 7, lớp 8:**

- Thực hiện theo tinh thần Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GDĐT về việc ban hành CTGDPT 2018.

- Tổ chức triển khai Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ GDĐT Quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông.

- + Thông tư số 25/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Bộ GD&ĐT về việc quy định việc lựa chọn SGK trong cơ sở GDPT;

- + Quyết định số 4606/QĐ-BGDĐT ngày 28/12/2022 của Bộ Giáo dục và đào tạo phê duyệt sách giáo khoa lớp 8 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông; Quyết định số 715/QĐ-BGDĐT ngày 13/3/2023 của Bộ Giáo dục và đào tạo phê duyệt bổ sung sách giáo khoa lớp 8 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông.

- 100% giáo viên được tham gia tập huấn chuyên môn, tập huấn lựa chọn SGK. Kết quả có 32/32 lớp 6, 7, 8 (100%) học sinh được học tập và tham gia các hoạt động giáo dục, đảm bảo chất lượng, hiệu quả theo yêu cầu nội dung chương trình.

*** Đối với lớp 9:**

- Tiếp tục thực hiện chương trình giáo dục phổ thông theo quyết định số 16/2006/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 5 năm 2006 của Bộ GD & ĐT về việc ban hành CTGDPT.

- + Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011 của Bộ GDĐT ban hành quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông;

- + Thông tư số 26/2020/TT-BGDĐT ngày 26/8/2020 của Bộ GDĐT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông ban hành kèm theo thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và đào tạo.

- Kết quả có 12/12 lớp 9 thực hiện hiệu quả CTGDPT 2006.

2.2. Tổ chức dạy học môn Tiếng Anh, Tin học theo Chương trình GDPT 2018.

a) Đối với môn Tiếng Anh

- Trường có 09 giáo viên dạy môn Tiếng Anh, trình độ Đại học

- Trường thực hiện dạy Tiếng Anh cho tất cả các lớp học 1 buổi/ ngày (44/44 lớp).

- b) Đối với môn Tin học và việc tổ chức hoạt động giáo dục tin học
 - Trường có 03 giáo viên chuyên môn Tin học, có 02 phòng máy với 90 máy vi tính.
 - Thời lượng: Học sinh lớp 6, 7, 8 học Tin học 1 tiết/tuần; lớp 9 không học môn Tin học

3. Công tác triển khai giáo dục STEM, chuyển đổi số, thí điểm triển khai Học bạ số

a) Đối với giáo dục STEM: Nhà trường đẩy mạnh triển khai giáo dục STEM theo hướng dẫn tại Công văn số 3089/BGDĐT-GDTrH ngày 14/8/2020 của Bộ GDĐT và Công văn số 2492/SGDĐT-GDTrH ngày 23/9/2020 của Sở GDĐT về việc hướng dẫn triển khai thực hiện giáo dục STEM trong giáo dục trung học từ năm học 2020-2021, bảo đảm chất lượng, hiệu quả khi triển khai thực hiện, tránh hình thức, quá tải đối với giáo viên và học sinh. Không giao chỉ tiêu, không lấy thành tích triển khai giáo dục STEM làm tiêu chí để xét thi đua.

b) Đối với việc triển khai chuyển đổi số, giáo dục kỹ năng công dân số

Thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết, điều hành công việc. Ứng dụng các thành tựu của công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý, chỉ đạo, đặc biệt là nâng cao hiệu quả việc sử dụng hộp thư trường. Đẩy mạnh hoạt động, cập nhật thông tin kịp thời, đa dạng, phong phú về nội dung và hình thức thông tin trên hộp thư trường và các hộp thư cá nhân.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức của viên chức, người lao động về chính quyền số, chuyển đổi số.

- Phát huy vai trò của lãnh đạo nhà trường, công đoàn, đoàn thanh niên trong việc hỗ trợ viên chức, người lao động thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số.

- Thúc đẩy phát triển chuyển đổi số trong cơ sở giáo dục; Đẩy mạnh công tác sử dụng dịch vụ công trực tuyến; Tăng cường ứng dụng chữ ký số.

- Khai thác hiệu quả các hệ thống thông tin quản lý, các cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ tốt công tác quản lý của đơn vị. Giáo viên thực hiện các nội dung quản lý, đánh giá học sinh trên CSDL; báo cáo kết quả hoạt động giảng dạy, giáo dục trên hệ thống cơ sở dữ liệu; tham gia sinh hoạt, hội họp qua Google Meet... khi cần thiết.

- Thực hiện các dịch vụ công phục vụ học sinh, phụ huynh học sinh như khoản thu không sử dụng tiền mặt, sử dụng hóa đơn điện tử.

c) Đối với việc triển khai thí điểm triển khai Học bạ số

Đã tổ chức tập huấn thực hiện học bạ số cho 100% giáo viên và thí điểm thực hiện vào cuối kì II năm học 2023-2024.

4. Tổ chức dạy học nội dung giáo dục địa phương theo Chương trình GDPT 2018

Nhà trường đã tổ chức triển khai thực hiện nội dung giáo dục địa phương, gồm những vấn đề cơ bản, mang tính thời sự về văn hóa, lịch sử, địa lí, kinh tế, xã hội, môi trường, hướng nghiệp của địa phương nhằm trang bị cho học sinh những hiểu biết về nơi sinh sống, bồi dưỡng cho học sinh tình yêu quê hương, có trách nhiệm với cộng đồng,

biết trân quý và phát huy văn hóa truyền thống quê hương, phát triển năng lực và phẩm chất, ý thức tìm hiểu và vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề thực tiễn của địa phương. Các nội dung giáo dục địa phương thực hiện theo tài liệu hướng dẫn và được tích hợp với hoạt động trải nghiệm của trường;

Kết quả có 44/44 lớp (100%) được tổ chức tham gia học tập các nội dung giáo dục địa phương, tạo điều kiện để các em được tìm hiểu, trải nghiệm về bản sắc văn hóa và truyền thống địa phương mình, nơi gần gũi với các em.

Ngoài các hoạt động dạy học lịch sử địa phương tại lớp học, nhà trường tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động theo đúng văn bản chỉ đạo.

5. Thực hiện công tác lựa chọn sách giáo khoa lớp 9

Căn cứ Thông tư số 27/2023/TT-BGDĐT ngày 28/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định việc lựa chọn sách giáo khoa (SGK) trong cơ sở giáo dục phổ thông (GDPT); Quyết định số 4338/QĐ-BGDĐT ngày 18/12/2023 của Bộ trưởng Bộ GDĐT Phê duyệt danh mục SGK lớp 9 sử dụng trong cơ sở GDPT; Quyết định số 421/QĐ-BGDĐT ngày 29/01/2024 của Bộ trưởng Bộ GDĐT Phê duyệt bổ sung SGK lớp 9 sử dụng trong cơ sở GDPT; Quyết định số 435/QĐ-UBND ngày 05/3/2024 của UBND thành phố Đà Nẵng Ban hành Bộ Tiêu chí lựa chọn SGK phù hợp với cơ sở GDPT trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Công văn số 646/SGDĐT-GDTH ngày 07/3/2024 của Sở GDĐT về việc hướng dẫn lựa chọn SGK trong cơ sở GDPT theo Thông tư số 27/2023/TT-BGDĐT

Thực hiện Công văn số 139/PGDĐT-THCS ngày 08/3/2024 của Phòng GDĐT quận Hải Châu về việc hướng dẫn chọn lựa sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông theo Thông tư số 27/2023/TT-BGDĐT;

Căn cứ Quyết định số 46/QĐ-THCSLTk ngày 09/3/2024 của Trường THCS Lý Thường Kiệt về việc thành lập Hội đồng lựa chọn sách giáo khoa lớp 9 từ năm học 2024-2025 theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018;

- Hội đồng tổ chức chọn SGK theo nguyên tắc tập trung dân chủ, khách quan, công khai, minh bạch, đúng pháp luật và vì quyền lợi của học sinh.

- Tổ chuyên môn chọn được SGK phù hợp với đặc điểm kinh tế - xã hội của địa phương, phù hợp với điều kiện tổ chức dạy học của nhà trường.

- SGK phù hợp các tiêu chí lựa chọn SGK trong cơ sở giáo dục phổ thông theo Quyết định số 1054/QĐ-UBND ngày 23/5/2024 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt Danh mục sách giáo khoa lớp 9 sử dụng trong các cơ sở giáo dục có cấp trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Đà Nẵng từ năm học 2024-2025.

- Lựa chọn 01 (một) SGK phù hợp cho mỗi môn học, hoạt động giáo dục để thực hiện kế hoạch giảng dạy năm học 2024-2025.

6. Nâng cao hiệu quả việc đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và phương pháp, hình thức đánh giá

a) Thực hiện linh hoạt các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học

- Giáo viên tích cực thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, tích cực ứng dụng công nghệ thông tin, quan tâm phát hiện và biết bồi dưỡng những học sinh có năng khiếu,

đồng thời có kế hoạch và biện pháp phụ đạo các học sinh còn hạn chế về học tập.

- 100% giáo viên thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học.

- Trường đã đạt 02 GV chủ nhiệm lớp giỏi cấp quận.

- Các tổ chuyên môn xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch dạy học các môn học và hoạt động giáo dục; Giáo viên khối lớp 6, 7, 8 thực hiện soạn bài theo hướng dẫn của SGDDT và PGDDT.

- Nhà trường đẩy mạnh việc thực hiện quyền tự chủ của giáo viên trong lựa chọn các chủ đề, rà soát nội dung các bài học trong sách giáo khoa hiện hành tương ứng để sắp xếp lại thành một số bài học tích hợp của từng môn học hoặc liên môn; xây dựng kế hoạch giáo dục cho từng môn học, hoạt động giáo dục theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất học sinh phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường.

- Tổ chức sinh hoạt chuyên môn định kỳ, kết hợp sinh hoạt chuyên môn theo chủ đề và sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học. Nội dung sinh hoạt tổ chuyên môn tập trung giải quyết các vấn đề: Dạy học phát triển năng lực; nghiên cứu bài học; dự giờ, thăm lớp, rút kinh nghiệm trong tổ; triển khai các nội dung chuyên môn mới; theo dõi ghi nhận sự tiến bộ của học sinh, đưa ra các biện pháp giúp đỡ học sinh còn hạn chế về học tập; đề xuất các biện pháp rèn phẩm chất, năng lực học sinh; tổ chức các chuyên đề đi sâu đổi mới phương pháp dạy học, các kỹ thuật dạy học.

- Phối hợp nhiều phương pháp dạy học nhằm phát huy năng lực học tập của học sinh.

b) Nâng cao hiệu quả các phương pháp và hình thức đánh giá

- Tuyên truyền các văn bản hướng dẫn việc đánh giá học sinh cho giáo viên và cha mẹ học sinh.

- Thực hiện đánh giá theo hướng động viên, khuyến khích, ghi nhận sự tiến bộ hằng ngày của từng học sinh, giúp học sinh cảm thấy tự tin và vui thích với các hoạt động học tập, không so sánh học sinh này với học sinh khác; đồng thời giúp giáo viên hiểu rõ mục đích của việc đánh giá thường xuyên bằng nhận xét là: chủ yếu nhận xét, hướng dẫn trực tiếp để hỗ trợ học sinh vượt qua khó khăn trong các giờ học và hoạt động giáo dục. Thực hiện đánh giá học sinh trên phần mềm CSDL và Vnedu của VNPT nhằm giảm nhẹ sức lao động của giáo viên.

- Tổ chức xây dựng đề kiểm tra định kì phù hợp với yêu cầu chuẩn kiến thức kỹ năng, nội dung dạy học ở từng giai đoạn học tập của học sinh. Bài kiểm tra kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận, nội dung bài kiểm tra kết hợp giữa kiến thức đã học trong nhà trường và những nội dung vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn cuộc sống; theo các mức độ yêu cầu: nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao.

- Đảm bảo trong các hoạt động dạy môn học và hoạt động giáo dục đều được đánh giá.

7. Thực hiện giáo dục đối với trẻ khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, trẻ khuyết tật

Trường hiện có 28 trẻ khuyết tật học hòa nhập (06 học sinh lớp 6; 09 học sinh lớp 7; 09 học sinh khối 9 và 04 học sinh khối 9), được thực hiện giảng dạy, giáo dục theo kế

hoạch.

Đối với học sinh thuộc diện hộ nghèo, có hoàn cảnh khó khăn được miễn giảm và hỗ trợ chi phí học tập theo các văn bản quy định.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Nguyễn Thị Minh